TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**20**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải và bà Lê Thị Nhớ
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà B N, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Thừa Thiên - Huế (có mặt)*;*

- *Bị đơn:* Ông Đ M T, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ 16, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08.12.2021 cũng như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là B N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Đ M T kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ngoại tình, vợ chồng thường xuyên xung đột, xảy ra bạo lực gia đình. Hiện nay tôi và ông T đã sống ly thân nhau, tình cảm của tôi và ông T không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đ M T.

- *Về con chung:* Tôi và ông Đ M T có 02 con chung là: Đinh Nguyên Giáp, sinh ngày 14/12/2003 và Đinh Như Q, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay cả 02 con đang ở với tôi. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con chung Đinh Như Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Đinh Nguyên Giáp đã đến tuổi trưởng thành, nên tôi không yêu cầu giải quyết

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

* Ông Đ M T không tham gia các buổi hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại phiên tòa,

* Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 4 năm 2022 ở địa phương nơi cư trú thể hiện: Bà B N và ông Đ M T kết hôn tại phường Chính Gián, quận Thanh Khê. Vợ chồng ông T, bà N chuyển về ở tại tổ 16, phường T, quận K từ khoảng năm 2007 cho đến nay. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà B N dẫn theo 02 con về Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên-Huế ở. Hiện nay ông Đ M T ở tại tổ 16, Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê (bà N không còn ở tại đây).

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà B N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ M T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà B N và ông Đ M T có 02 con chung là: Đinh Nguyên Giáp, sinh ngày 14/12/2003 và Đinh Như Q, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay cả 02 con đang ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà B N nuôi con Đinh Như Q. Bà N tự nguyện nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Đinh Nguyên Giáp đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà B N khai không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ M T có địa chỉ cư trú tại Tổ 16, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn là ông Đ M T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án đã tống đạt hợp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng cả 02 lần mở phiên tòa ông Đ M T vẫn vắng mặt. Do vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà B N và ông Đ M T đăng ký kết hôn vào năm 2004, tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà B N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Đ M T, lý do là do ông T ngoại tình, vợ chồng thường xuyên xung đột, xảy ra bạo lực gia đình. Hiện nay bà N và ông T đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Đối với ông Đ M T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của bà N. Điều này chứng tỏ ông T bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông với bà N.

Xét yêu cầu của bà B N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Nhưng trên thực tế thì bà N và ông T đã tự sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú thì mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B N

đối với ông Đ M T là thoả đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà B N và ông Đ M T có 02 con chung là: Đinh Nguyên Giáp, sinh ngày 14/12/2003 và Đinh Như Q, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay cả 02 con đang ở mẹ. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi 01 con chung Đinh Như Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Đối với con chung Đinh Nguyên Giáp đã đến tuổi trưởng thành, nên bà N không yêu cầu giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà B N khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà B N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 56; 81;82;83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà B N đối với ông Đ M T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà B N được ly hôn với ông Đ M T.

2. Về con chung: Giao cho bà B N nuôi dưỡng 01 con chung là: Đinh Như Q, sinh ngày 01/9/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà N tự nguyện nuôi con, không yêu cầu ông Đ M T cấp dưỡng nuôi con

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà B N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp tại biên lai thu số 0002848 ngày 07.01.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà B N đã nộp đủ án phí;

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND P.Chính Gián,Q.Thanh Khê,TP.ĐN (Giấy CNKH số:27, Quyển số:01/2004)
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Dân